

THÔNG TIN AN TOÀN VẬT LIỆU

04/2022

1 of 4

1. Vật liệu và nhà sản xuất

| | |
|-------------------------------|--|
| Tên sản phẩm | Tấm chịu nước Glass-Mat |
| Tên khác | Gypsum Panels, Drywall, Plasterboard, Wallboard |
| Lĩnh vực sử dụng | Dùng làm trần và vách trong khu vực chịu tác động trực tiếp của nước |
| Nhập khẩu và phân phối | Công ty TNHH Knauf Việt Nam. Khu đất CN 4.4A, Khu công nghiệp Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An thuộc khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, Hải Phòng, VIỆT NAM. |

2. Mức độ nguy hiểm

| | |
|--------------------------|---|
| Mối nguy vật lý | Không được phân loại |
| Mối nguy sức khỏe | Không được phân loại |
| Phòng ngừa | Tránh thải ra môi trường |
| Ứng phó | Tìm kiếm sự chăm sóc y tế hoặc tư vấn nếu bạn cảm thấy không khỏe |
| Vứt bỏ | Vứt bỏ theo quy định của địa phương |

3. Thành phần/Thông tin về thành phần

| Thành phần | Số CAS | Tỷ lệ % |
|---------------------------------|---------------|----------------|
| Thạch cao | 13397-24-5 | ≥ 85 |
| Sợi thủy tinh dạng sợi liên tục | 65997-17-3 | < 10 |
| Natri pyrrithion | 3811-73-2 | < 0.05 |

4. Biện pháp sơ cứu ban đầu

| | |
|-------------------------|---|
| Hít phải | Bụi kích thích hệ hô hấp và có thể gây ho và khó thở. Di chuyển người bị thương ra nơi có không khí trong lành và giữ cho người đó bình tĩnh dưới sự quan sát. Tìm kiếm sự chăm sóc y tế nếu các triệu chứng vẫn tiếp diễn. |
| Tiếp xúc với da | Tiếp xúc với bụi: Rửa sạch khu vực tiếp xúc bằng nhiều nước. Tìm kiếm sự chăm sóc y tế nếu tình trạng kích ứng phát triển hoặc kéo dài. |
| Tiếp xúc với mắt | Bụi vào mắt: Không dụi mắt. Rửa kỹ bằng nước. Nếu kích ứng xảy ra, hãy nhờ trợ giúp y tế. |
| Nuốt vào miệng | Súc miệng. Tìm kiếm sự chăm sóc y tế nếu các triệu chứng xảy ra. |

5. Biện pháp cứu hỏa

| | |
|----------------------------|---|
| Tính cháy | Không cháy. |
| Hỏa hoạn và cháy nổ | Không có nguy hiểm về hỏa hoạn hoặc cháy nổ |
| Dập lửa | Sử dụng chất dập lửa phù hợp để dập lửa. |
| Phương pháp cụ thể | Làm mát vật liệu tiếp xúc với nhiệt bằng vòi phun nước và loại bỏ nó nếu không có rủi ro nào xảy ra |

6. Biện pháp xử lý tai nạn

| | |
|--|---|
| Phương pháp và vật liệu ngăn chặn và làm sạch | Không có quy trình làm sạch cụ thể nào được ghi nhận. Trước tiên dùng hút chân không nếu có thể hoặc rửa bằng nước sau đó quét và thu gom vào thùng rác. |
| Biện pháp phòng ngừa môi trường | Tránh xả vào cống, rãnh và các hệ thống nước khác |

7. Lưu giữ và sử dụng

| | |
|----------------|---|
| Lưu giữ | Lưu giữ trong môi trường khô ráo thông gió tốt và được bảo vệ tránh các tác động của thời tiết. |
| Sử dụng | Sử dụng các phương pháp làm việc giảm thiểu việc tạo ra bụi. Tránh hít phải bụi và tiếp xúc với da và mắt. Mang dụng cụ bảo hộ cá nhân thích hợp. Rửa tay sau khi tiếp xúc. Tuân thủ các biện pháp vệ sinh công nghiệp tốt. |

8. Kiểm soát phơi nhiễm/Bảo hộ lao động

| | |
|--|--|
| Tiêu chuẩn phơi nhiễm | |
| ➤ Thạch cao (canxi sulfat dihydrate) 10 mg/m ³ TWA bụi có thể hít phải. | |
| ➤ Sợi thủy tinh dạng sợi liên tục 1 sợi/cm ³ dạng sợi có thể hít phải. | |
| Kiểm soát kỹ thuật | Tránh hít phải bụi. Sử dụng sản phẩm trong các vùng có thông gió tốt. Áp dụng biện pháp thông gió làm sạch cơ học ở vị trí có nguy cơ hít phải bụi. Duy trì bụi ở mức thấp hơn tiêu chuẩn phơi nhiễm. |
| Thiết bị bảo hộ lao động | Đeo kính bảo hộ đã được chấp thuận. Thực hành vệ sinh công nghiệp tốt cần giảm thiểu tiếp xúc với da. Khi tiếp xúc với da trong thời gian dài hoặc lặp đi lặp lại, hãy sử dụng găng tay bảo hộ phù hợp. Nên mặc quần áo làm việc bình thường (áo sơ mi dài tay và quần dài). |

9. Tính chất vật lý và hóa học

| | |
|----------------------------------|------------------------------------|
| Ngoại quan | Giấy bao phủ bề mặt lõi thạch cao. |
| Mùi | Có mùi nhẹ hoặc không mùi |
| Tính cháy | Không cháy. |
| Nhiệt độ sôi | Không quy định. |
| Tính hòa tan (trong nước) | Tan nhẹ trong nước. |
| Áp suất hơi | Không quy định. |
| Khối lượng riêng | 750 kg/m ³ . |
| Nhiệt độ chớp cháy | Không quy định. |
| % Chất bay hơi | Không quy định. |

10. Tính ổn định và hoạt tính

| | |
|------------------------------------|---|
| Tính ổn định hóa học | Ổn định dưới các điều kiện lưu giữ theo khuyến cáo. |
| Điều kiện phải tránh | Tránh gia nhiệt, đốt cháy, ngọn lửa trực tiếp và các nguồn đốt cháy khác. |
| Vật liệu phải tránh | Tương thích với hầu hết các vật liệu sử dụng. |
| Sản phẩm phân hủy nguy hiểm | Có thể sinh ra khí độc hại nếu gia nhiệt tới nhiệt độ phân hủy. |
| Phản ứng nguy hiểm | Phản ứng polymer hóa không xuất hiện. |

11. Thông tin về tính độc hại

Thông tin về ảnh hưởng độc hại:

Trong điều kiện sử dụng bình thường, vật liệu này không gây nguy hiểm cho sức khỏe

12. Thông tin về sinh thái học

Độc đối với sinh vật dưới nước. Có hại cho đời sống thủy sinh với tác động lâu dài.

13. Xử lý phế thải

Hướng dẫn xử lý

Xử lý phế thải theo quy định của chính quyền địa phương. Tái chế có trách nhiệm.

Luật pháp

Xử lý phế thải theo quy định của chính quyền địa phương.

14. Thông tin về vận chuyển

Không quy định cho các mục đích vận chuyển.

15. Thông tin về quy định

Danh mục chất độc

Sản phẩm này không được biết đến là “Hóa chất Nguy hiểm” theo định nghĩa của Tiêu chuẩn Truyền thông về Nguy hiểm của OSHA, 29 CFR 1910. 1200

Tất cả các thành phần của sản phẩm này đều tuân thủ các Yêu cầu trong danh sách của Đạo luật kiểm soát các chất độc hại của Hoa Kỳ (TSCA).

16. Thông tin khác

Thông số mô tả sản phẩm này chỉ liên quan tới các yêu cầu về an toàn và không có ý nghĩa về bảo hiểm. Thông số này không được thay đổi hay sử dụng cho các sản phẩm khác.